

# Phân tích danh mục thuốc sử dụng tại Bệnh Viện Đa Khoa huyện Kim Sơn tỉnh Ninh Bình năm 2023

Hà Quang Tuấn<sup>1\*</sup>, Phạm Thị Anh<sup>1</sup>, Đỗ Thị Bích Diệp<sup>1</sup>, Trường Đình Phòng<sup>1</sup>, Hoàng Thị Như Quỳnh<sup>1</sup>, Lê Thị Huyền Trang<sup>1</sup>, Phạm Thị Thanh Nga<sup>1</sup>

<sup>1</sup>Trường Đại học Y Dược Hải Phòng

## \*Tác giả liên hệ

Hà Quang Tuấn  
Trường Đại học Y Dược Hải Phòng  
Điện thoại: 0904410286  
Email: hqtuan@hpmu.edu.vn

## Thông tin bài đăng

Ngày nhận bài: 15/03/2024  
Ngày phản biện: 21/03/2024  
Ngày duyệt bài: 19/04/2024

## TÓM TẮT

**Mục tiêu:** Mô tả cơ cấu danh mục thuốc sử dụng và phân tích danh mục thuốc sử dụng theo phương pháp phân tích ABC/VEN tại bệnh viện Đa khoa huyện Kim Sơn năm 2023. **Phương pháp nghiên cứu:** Mô tả cắt ngang danh mục thuốc sử dụng từ 01/01/2023 đến 31/12/2023 tại BVĐK huyện Kim Sơn, tỉnh Ninh Bình. **Kết quả:** Danh mục thuốc gồm 346 khoản mục (KM), chia thành thuốc hóa dược chiếm 90,17% số lượng khoản mục (SLKM); 84,18% giá trị sử dụng (GTSD) và thuốc đông y/dược liệu chiếm 9,83% SLKM; 15,82% GTSD. Thuốc sản xuất trong nước chiếm ưu thế (74,57% SLKM; 64,89% GTSD). Phân tích ABC/VEN cho thấy thuốc hạng A chiếm 75,2% GTSD và 13,58% SLKM; thuốc hạng C chiếm 72,84% SLKM. Nhóm E có tỷ lệ cao nhất (70,81% SLKM, 75,35% GTSD), trong khi nhóm AN với 13 thuốc chiếm 15,75% GTSD. **Kết luận:** Danh mục thuốc sử dụng tại Bệnh viện Đa khoa huyện Kim Sơn năm 2023 phần lớn phù hợp với nhu cầu điều trị của bệnh viện. Tuy nhiên, một số thuốc nằm trong thuốc hạng A là những thuốc không thiết yếu có giá trị sử dụng cao cần xem xét quản lý chỉ định để tiết kiệm chi phí sử dụng thuốc cho bệnh viện.

**Từ khóa:** Phân tích ABC/VEN, danh mục thuốc, bệnh viện Đa khoa huyện Kim Sơn.

## Analysis of the drug list utilized at Kim Son district general hospital, Ninh Binh province, in 2023

**ABSTRACT: Objective:** To describe the composition of the drug formulary and analyze drug utilization using the ABC/VEN method at Kim Son District General Hospital in 2023. **Methods:** A cross-sectional descriptive study was conducted on the drug formulary from January 1, 2023, to December 31, 2023, at Kim Son District General Hospital, Ninh Binh Province. **Results:** The drug formulary consisted of 346 items, divided into chemical pharmaceuticals, which accounted for 90.17% of the total number of items and 84.18% of the total value of drug utilization, while traditional medicines/herbal drugs accounted for 9.83% of the total number of items and 15.82% of the total value of drug utilization. Locally produced drugs predominated, representing 74.57% of the total number of items and 64.89% of the total value of drug utilization. The ABC/VEN analysis showed that class A drugs accounted for 75.2% of the total value of drug utilization and 13.58% of the total number of items, while class C drugs comprised 72.84% of the total number of items. The essential (E) group had the highest proportion (70.81% of the total number of items and 75.35% of the total value of drug utilization), whereas the non-essential but high-value AN group,

comprising 13 drugs, accounted for 15.75% of the total value of drug utilization. Conclusion: The drug formulary at Kim Son District General Hospital in 2023 largely met the hospital's treatment needs. However, some drugs in class A, which are non-essential but have high utilization value, should be carefully managed to optimize drug costs for the hospital.

**Keywords:** ABC/VEN analysis, drug formulary, Kim Son District General Hospital.

## ĐẶT VẤN ĐỀ

Thuốc đóng vai trò quan trọng trong việc phòng và điều trị bệnh, việc sử dụng thuốc an toàn, hợp lý là một trong những yếu tố quyết định đến chất lượng khám chữa bệnh. Trong những năm gần đây với chính sách mở cửa theo cơ chế thị trường, thị trường thuốc ngày càng phong phú về số lượng và đa dạng về chủng loại và cả nhà cung cấp. Chính sự đa dạng và phong phú này giúp cho việc cung ứng thuốc trở nên dễ dàng và thuận tiện hơn. Nhưng mặt khác, điều này cũng tác động không nhỏ tới hoạt động sử dụng thuốc trong bệnh viện, dẫn đến việc sử dụng thuốc bất hợp lý như lạm dụng thuốc tiêm, thuốc kháng sinh, vitamin, thuốc biệt dược gốc, thuốc nhập khẩu đã khiến chi phí sử dụng thuốc chiếm tỷ lệ cao trong tổng chi phí của bệnh viện. Để việc sử dụng thuốc an toàn, hiệu quả, hợp lý, Bộ y tế đã có rất nhiều văn bản hướng dẫn việc sử dụng thuốc tại các bệnh viện như thông tư 23/2011/TT-BYT, thông tư 21/2013/TT-BYT, thông tư 20/2022/TT-BYT, Quyết định số 4824/2012/QĐ-BYT...[1,2,3,4]. Bệnh viện Đa khoa (BVĐK) huyện Kim Sơn được thành lập từ năm 1954, là bệnh viện hạng II với quy mô 232 giường bệnh [5]. Bên cạnh việc đầu tư các trang thiết bị đáp ứng điều kiện hoạt động chuyên môn thì vấn đề sử dụng thuốc hợp lý, an toàn cũng được bệnh viện chú trọng và bám sát theo các thông tư của Bộ Y tế. Vì vậy, việc xây dựng danh mục thuốc (DMT) phù hợp với mô hình bệnh tật cũng như khả năng chi trả của bệnh nhân là một yêu cầu quan trọng với bệnh viện. Trên cơ sở đó, nhằm góp phần hiểu rõ hơn về tình hình sử dụng thuốc,

từ đó đề xuất các biện pháp cải thiện hiệu quả quản lý và tối ưu hóa chi phí sử dụng thuốc trong bệnh viện, chúng tôi tiến hành nghiên cứu đề tài: “Phân tích danh mục thuốc sử dụng tại Bệnh viện Đa khoa huyện Kim Sơn – tỉnh Ninh Bình năm 2023” với 2 mục tiêu: Mô tả cơ cấu danh mục thuốc sử dụng và phân tích danh mục thuốc sử dụng theo phương pháp phân tích ABC/VEN tại bệnh viện Đa khoa huyện huyện Kim Sơn năm 2023.

## PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU

### Đối tượng nghiên cứu

Danh mục thuốc sử dụng từ 01/01/2023 đến 31/12/2023 tại BVĐK huyện Kim Sơn, tỉnh Ninh Bình.

### Địa điểm và thời gian nghiên cứu

Bệnh viện Đa khoa huyện Kim Sơn từ tháng 01/2024 - tháng 06/2024.

### Thiết kế nghiên cứu

Nghiên cứu mô tả cắt ngang qua hồi cứu dữ liệu.

### Cỡ mẫu nghiên cứu

346 khoản mục thuốc đã được sử dụng tại BVĐK huyện Kim Sơn năm 2023.

### Nội dung nghiên cứu

Mô tả cơ cấu danh mục thuốc sử dụng tại bệnh viện Đa khoa huyện Kim Sơn năm 2023: Cơ cấu sử dụng theo nhóm thuốc; Cơ cấu thuốc sử dụng theo nhóm tác dụng dược lý; Cơ cấu thuốc sử dụng theo nguồn gốc xuất xứ; Cơ cấu thuốc hóa dược sử dụng theo thành phần; Cơ cấu thuốc hóa dược sử dụng theo thuốc biệt dược gốc và generic; Cơ cấu thuốc sử dụng theo đường dùng.

*Phân tích danh mục thuốc sử dụng tại bệnh viện Đa khoa huyện Kim Sơn năm 2023 theo phương pháp phân tích ABC/VEN:*

Cơ cấu thuốc sử dụng theo phân tích ABC;  
Cơ cấu thuốc sử dụng theo phân tích VEN;  
Cơ cấu danh mục thuốc sử dụng theo ma trận ABC/VEN.

#### Thu thập số liệu

Dữ liệu được chiết xuất từ phần mềm Viettel His của bệnh viện từ ngày 01/01/2023 đến

ngày 31/12/2023, sau đó được thu thập biểu mẫu.

#### Xử lý số liệu

Số liệu sau được mã hóa, làm sạch và được xử lý bằng phần mềm Microsoft Excel 2016, sử dụng phương pháp tỷ trọng, phương pháp phân tích ABC, VEN và ma trận ABC/VEN.

#### Đạo đức nghiên cứu

Nghiên cứu được thực hiện dưới sự cho phép của BVĐK huyện Kim Sơn.

### KẾT QUẢ

#### Cơ cấu danh mục thuốc sử dụng theo nhóm thuốc

*Bảng 1. Cơ cấu DMT sử dụng theo nhóm thuốc hoá dược và thuốc đông y, thuốc từ dược liệu*

STT	Nhóm thuốc	Số khoản mục		Giá trị sử dụng	
		Số lượng	Tỉ lệ (%)	Giá trị (1.000 VNĐ)	Tỉ lệ (%)
1	Thuốc hoá dược	312	90,17	10.213.131	84,18
2	Thuốc đông y, thuốc từ dược liệu	34	9,83	1.920.036	15,82
	Tổng	346	100	12.133.167	100

DMT sử dụng tại BVĐK huyện Kim Sơn năm 2023 bao gồm 346 số khoản mục thuốc với hơn 12 tỷ đồng tiền thuốc. Trong đó, thuốc hoá dược có 312 khoản mục, chiếm 90,17% số KM và 84,18% GTSD. Thuốc đông y, thuốc từ dược liệu có 34 khoản mục, chiếm 9,83% số KM và 15,82% GTSD. Bệnh viện sử dụng chủ yếu là thuốc hoá dược.

#### Cơ cấu danh mục thuốc sử dụng theo nhóm tác dụng dược lý

*Bảng 2. Cơ cấu danh mục thuốc sử dụng theo nhóm tác dụng dược lý*

STT	Nhóm TDDL	Số khoản mục		Giá trị sử dụng	
		Số lượng	Tỉ lệ (%)	Giá trị (1.000 VNĐ)	Tỉ lệ (%)
1	Thuốc điều trị KST, CNK	79	22,83	3.528.287	29,08
2	Hocmon và các thuốc tác động vào hệ thống nội tiết	32	9,25	2.318.154	19,11
3	Thuốc đông y, thuốc từ dược liệu	34	9,83	1.920.036	15,82
4	Thuốc tim mạch	37	10,69	1.650.138	13,60
5	Thuốc chống rối loạn tâm thần và thuốc tác động lên hệ thần kinh	07	2,02	711.719	5,87

6	Khoáng chất và vitamin	14	4,05	513.655	4,23
7	Thuốc giảm đau, hạ sốt; chống viêm không steroid; thuốc điều trị gút và các bệnh xương khớp	37	10,69	501.825	4,14
8	Thuốc đường tiêu hoá	30	8,67	414.276	3,41
9	Thuốc tác dụng trên đường hô hấp	12	3,47	206.869	1,70
10	Dung dịch điều chỉnh nước, điện giải, cân bằng acid – base và các dung dịch tiêm truyền khác	13	3,76	146.879	1,21
11	Thuốc tác dụng đối với máu	10	2,89	68.961	0,57
12	Thuốc gây tê, gây mê, thuốc giãn cơ, giải giãn cơ	12	3,47	43.258	0,36
13	Thuốc điều trị bệnh mắt, tai mũi họng	04	1,16	34.775	0,29
14	Thuốc có tác dụng thúc đẻ, cầm máu sau đẻ và chống đẻ non	03	0,87	25.352	0,21
15	Thuốc chống dị ứng và dùng trong các trường hợp quá mẫn	12	3,47	21.263	0,18
16	Thuốc tẩy trùng và sát khuẩn	01	0,29	12.322	0,10
17	Thuốc điều trị bệnh da liễu	02	0,58	10.255	0,08
18	Thuốc giải độc và các thuốc dùng trong trường hợp ngộ độc	02	0,58	2.090	0,02
19	Thuốc điều trị bệnh đường tiết niệu	01	0,29	1.584	0,01
20	Thuốc làm mềm cơ và ức chế cholinesterase	01	0,29	1.032	0,01
21	Thuốc lợi tiểu	02	0,58	435	0,00
22	Thuốc chống co giật, chống động kinh	01	0,29	2	0,00
Tổng		346	100	12.133.167	100

Nhóm điều trị ký sinh trùng và chống nhiễm khuẩn chiếm tỷ lệ cao nhất (22,83% số KM, 29,08% GTSD). Tiếp theo là các nhóm: thuốc hocmon và các thuốc tác động vào hệ thống nội tiết; thuốc đông y/dược liệu; thuốc tim mạch lần lượt chiếm tỷ lệ cao về GTSD.

**Cơ cấu danh mục thuốc sử dụng theo nguồn gốc xuất xứ, theo thành phần, theo biệt dược gốc và generic, theo đường dùng.**

**Bảng 3. Cơ cấu danh mục thuốc sử dụng theo nguồn gốc xuất xứ**

STT	Nội dung	Số khoản mục		Giá trị sử dụng	
		Số lượng	Tỉ lệ (%)	Giá trị (1.000 VNĐ)	Tỉ lệ (%)
<b>1</b>	<b>Nguồn gốc, xuất xứ</b>				
1.1	Thuốc sản xuất trong nước	258	74,57	7.873.207	64,89
1.2	Thuốc nhập khẩu	88	25,43	4.259.960	35,11
	Tổng	346	100	12.133.167	100
<b>2</b>	<b>Thành phần</b>				
2.1	Thuốc đơn thành phần	257	82,37	6.790.516	66,49
2.2	Thuốc đa thành phần	55	17,63	3.422.615	33,51
	Tổng	312	100	10.213.131	100
<b>3</b>	<b>BDG và thuốc generic</b>				
3.1	Thuốc BDG	14	4,49	140.721	1,38
3.2	Thuốc generic	298	95,51	10.072.410	98,62
	Tổng	312	100	10.213.131	100
<b>4</b>	<b>Đường dùng</b>				
4.1	Đường uống	234	67,63	9.443.629	77,83
4.2	Đường tiêm, tiêm truyền	78	22,54	2.506.699	20,66
4.3	Đường dùng khác	34	9,83	182.839	1,51
	Tổng	346	100	12.133.167	100

Thuốc sản xuất trong nước chiếm phần lớn 74,57% số KM và 64,89% GTSD. Thuốc đơn thành phần gấp gần 5 lần về số KM nhưng chỉ gấp gần 2 lần về GTSD so với thuốc đa thành phần. Thuốc generic chiếm 95,51% số KM và 98,62% GTSD. Thuốc dùng đường uống chiếm tỷ lệ cao nhất (67,63% số lượng, 77,83% giá trị).

**Cơ cấu danh mục thuốc sử dụng theo phân tích ABC**

**Bảng 4. Cơ cấu danh mục thuốc sử dụng theo phân tích ABC**

ST T	Hạng	Giá trị sử dụng		Số khoản mục	
		Giá trị (1.000 VNĐ)	Tỉ lệ (%)	Số lượng	Tỉ lệ (%)
1	A	9.124.666	75,20	47	13,58
2	B	1.844.291	15,20	47	13,58
3	C	1.164.210	9,60	252	72,84
	Tổng	12.133.167	100	346	100

Phân tích ABC cho thấy thuốc hạng A chiếm 13,58% số KM và 75,20% GTSD; thuốc hạng B chiếm 13,58% số KM và 15,20% GTSD; thuốc hạng C chiếm 72,84% số KM và 9,60% GTSD, phù hợp với hướng dẫn trong thông tư 21/2013/TT-BYT.

**Bảng 5. Cơ cấu danh mục thuốc hạng A theo nhóm tác dụng dược lý**

STT	Nhóm TDDL	Giá trị sử dụng	Số khoản mục
-----	-----------	-----------------	--------------

		Giá trị (1.000 VNĐ)	Tỉ lệ (%)	Số lượng	Tỉ lệ (%)
1	Thuốc điều trị KST, CNK	2.760.308	<b>30,25</b>	10	<b>21,28</b>
2	Hocmon và các thuốc tác động vào hệ thống nội tiết	1.919.683	<b>21,04</b>	8	17,02
3	Thuốc đông y, thuốc từ dược liệu	1.478.795	<b>16,21</b>	10	<b>21,28</b>
4	Thuốc tim mạch	1.428.974	15,66	8	17,02
5	Thuốc chống rối loạn tâm thần và thuốc tác động lên hệ thần kinh	622.222	6,82	4	8,51
6	Khoáng chất và vitamin	431.710	4,73	3	6,38
7	Thuốc đường tiêu hoá	205.474	2,25	1	2,13
8	Thuốc giảm đau, hạ sốt; chống viêm không steroid; thuốc điều trị gút và các bệnh xương khớp	185.020	2,03	2	4,26
9	Thuốc tác dụng trên đường hô hấp	92.480	1,01	1	2,13
	<b>Tổng</b>	<b>9.124.666</b>	<b>100</b>	<b>47</b>	<b>100</b>

Trong hạng A, có 37 thuốc hóa dược thuộc 8 nhóm tác dụng dược lý và 10 thuốc đông y/dược liệu. Nhóm thuốc điều trị ký sinh trùng và chống nhiễm khuẩn cùng với thuốc đông y/dược liệu chiếm tỷ lệ cao nhất (21,28% số lượng KM). Về GTSD, nhóm điều trị ký sinh trùng và chống nhiễm khuẩn chiếm 30,25%; nhóm hormone và hệ nội tiết chiếm 21,04%, và thuốc đông y/dược liệu chiếm 16,21%.

**Bảng 6.** Danh mục 10 thuốc hạng A có giá trị sử dụng cao nhất

TT	Tên thuốc	Tên hoạt chất	Đơn giá (1.000vn đ)	Số lượng sử dụng	GTSD (1.000vn đ)	GTS D %
1	Ebitac 12.5/ 10 mg	Enalapril + hydrochlorothiazid	3,45	185.59 4	640.299	5,28
2	Biofazolin 1g	Cefazolin	25	23.994	599.850	4,94
3	Cephalexin 500mg	Cefalexin	1,43	359.86 8	516.221	4,25
4	Acryptega 300 /300/50mg	Tenofovir + Lamivudin+ Dolutegravir	4,65	101.28 4	470.490	3,88
5	Dianorm-M 80/500 mg	Gliclazid + Metformin	3,20	134.61 0	430.752	3,55
6	Hoạt huyết Phúc Hưng	Ngưu tất, Đương quy, Xuyên khung, Ích mẫu, Thục địa	0,78	534.94 7	414.584	3,42
7	Ceftizoxim 1g	Ceftizoxim	64,33	5.981	384.765	3,17

8	Glumeform XR 500mg	Metformin hydroclorid	1,20	284.105	340.926	2,81
9	Acarbose Friulchem 50mg	Acarbose	2,50	107.760	269.400	2,22
10	Diaprid 2mg	Glimepirid	1,67	145.620	242.473	2,00
Tổng					4.309.760	35,52

10 thuốc hạng A chiếm 35,52% tổng chi phí thuốc, gồm: 4 thuốc ký sinh trùng, chống nhiễm khuẩn (16,24%), 4 thuốc hormone, nội tiết (10,58%), 1 thuốc tim mạch (5,28%), và 1 thuốc đông y, dược liệu (3,42%).

### Cơ cấu danh mục thuốc sử dụng theo phân tích VEN

*Bảng 7. Cơ cấu danh mục thuốc sử dụng theo phân tích VEN*

STT	Nhóm	Số khoản mục		Giá trị sử dụng	
		Số lượng	Tỉ lệ (%)	Giá trị (1.000 VNĐ)	Tỉ lệ (%)
1	V	41	11,85	428.924	3,53
2	E	245	70,81	9.141.772	75,35
3	N	60	17,34	2.562.471	21,12
Tổng		346	100	12.133.167	100

Nhóm thuốc thiết yếu (E) chiếm 70,81% số khoản mục và 75,35% giá trị sử dụng. Nhóm không thiết yếu (N) chiếm 17,34% khoản mục và 21,12% giá trị. Nhóm tối cần (V) thấp nhất, chiếm 11,85% khoản mục và 3,53% giá trị.

### Cơ cấu danh mục thuốc sử dụng theo phân tích kết hợp ABC/VEN

*Bảng 8. Kết quả phân tích ma trận ABC/VEN*

Nhóm	Số khoản mục		Giá trị sử dụng		
	Số lượng	Tỉ lệ (%)	Giá trị (1.000 VNĐ)	Tỉ lệ (%)	
A	V	2	0,58	197.210	1,63
	E	32	9,25	7.016.950	57,83
	N	13	3,76	1.910.506	15,75
B	V	2	0,58	93.159	0,77
	E	35	10,12	1.332.435	10,98
	N	10	2,89	418.697	3,45

C	V	37	10,69	138.555	1,14
	E	178	51,45	792.387	6,53
	N	37	10,69	233.268	1,92
<b>Tổng</b>		<b>346</b>	<b>100</b>	<b>12.133.167</b>	<b>100</b>
<b>Nhóm I: AV, AE, AN, BV, CV</b>		<b>86</b>	<b>24,86</b>	<b>9.356.380</b>	<b>77,12</b>
<b>Nhóm II: BE, BN, CE</b>		<b>223</b>	<b>64,45</b>	<b>2.543.519</b>	<b>20,96</b>
<b>Nhóm III: CN</b>		<b>37</b>	<b>10,69</b>	<b>233.268</b>	<b>1,92</b>
<b>Tổng</b>		<b>346</b>	<b>100</b>	<b>12.133.167</b>	<b>100</b>

Nhóm thuốc I là nhóm đặc biệt cần quan tâm vì sử dụng nhiều ngân sách hoặc cần thiết cho điều trị. Nhóm này có 86 khoản mục tương ứng 24,86% nhưng lại chiếm đến 77,12% GTSD. Nhóm AN chiếm 15,75% GTSD, đây là nhóm có GTSD cao nhưng bao gồm những thuốc chưa thực sự cần thiết với 13 thuốc gồm: 3 thuốc nhóm khoáng chất và vitamin là Setblood, Cosyndo B, Scanneuron và 10 thuốc đông y, thuốc từ dược liệu. Nhóm thuốc II chiếm tỉ lệ lớn nhất về SKM với 223 khoản tương ứng 64,45% nhưng GTSD chỉ chiếm 20,96%. Nhóm thuốc III có 37 khoản mục tương ứng 10,69% và chiếm 1,92% GTSD.

### BÀN LUẬN

Năm 2023, danh mục thuốc tại Bệnh viện Đa khoa huyện Kim Sơn gồm 346 khoản mục với tổng giá trị 12.133.167 nghìn đồng, trong đó thuốc hóa dược chiếm phần lớn (90,17% số lượng và 84,18% giá trị). Thuốc đông y và dược liệu chiếm 9,83% số lượng KM và 15,82% GTSD, tỷ lệ này cao hơn nhiều so với các bệnh viện cùng tuyến như BVĐK huyện Bảo Thắng (11,43% GTSD) [6], BVĐK huyện Triệu Sơn (9,95% GTSD) [7], BVĐK huyện Đông Hưng (4% GTSD) [8]. Nhóm thuốc ký sinh trùng và chống nhiễm khuẩn chiếm giá trị cao nhất (29,08%), tương tự các bệnh viện khác, tuy nhiên bệnh viện cũng cần theo sát hướng dẫn thực hiện quản lý kháng sinh tại quyết định số 5631/QĐ-BYT ngày 31/12/2020 để đảm bảo việc sử dụng kháng sinh hiệu quả, hợp lý [9]. Thuốc sản xuất trong nước chiếm 74,57% về số lượng KM và 64,89% về GTSD, cao hơn BVĐK huyện Triệu Sơn (59,76% GTSD) [7], nhưng bệnh viện cũng cần cân nhắc thay thế thuốc nhập khẩu bằng thuốc sản xuất trong nước đáp ứng

được yêu cầu về hiệu quả điều trị để đạt mục tiêu 75% theo đề án “Người Việt Nam ưu tiên dùng thuốc Việt Nam” [10]. Thuốc generic chiếm tỷ lệ lớn (98,62% về GTSD), giúp tiết kiệm chi phí cho bệnh nhân và tỷ lệ thuốc biệt dược gốc (1,38% về GTSD) phù hợp theo công văn 3968/2017/BHXH-DVT thống nhất tỷ lệ sử dụng BDG tại các cơ sở khám chữa bệnh là dưới 4% [11].

Phân tích ABC/VEN cho thấy nhóm thuốc thiết yếu (E) chiếm tỷ lệ cao nhất (70,81% số lượng, 75,35% giá trị). Tuy nhiên, nhóm AN với 13 thuốc (là nhóm thuốc gồm những thuốc dùng trong các trường hợp bệnh nhẹ, không phải là thuốc quan trọng cần thiết phải có để phục vụ công tác khám chữa bệnh nhưng lại có giá trị sử dụng cao) chiếm tỷ lệ đáng kể, cao hơn BVĐK huyện Đông Hưng (7,17% GTSD) [8] và BVĐK huyện Bảo Thắng (0,07% GTSD) [6]. Do vậy, bệnh viện cần phải kiểm soát tốt về chỉ định của 13 thuốc thuộc nhóm thuốc AN này để đảm bảo tiết kiệm chi phí sử dụng thuốc cho bệnh viện trong thời gian tới.

## KẾT LUẬN

Cơ cấu danh mục thuốc sử dụng tại Bệnh viện Đa khoa huyện Kim Sơn năm 2023 tương đối hợp lý về nguồn gốc (thuốc sản xuất trong nước: 74,57% khoản mục; 64,89% giá trị), đường dùng (đường uống: 67,63% khoản mục; 77,83% giá trị), thành phần (thuốc đơn thành phần: 82,37% khoản mục; 66,49% giá trị), và thuốc generic (95,51% khoản mục; 98,62% giá trị).

Cơ cấu thuốc mua sắm tại Bệnh viện Đa khoa huyện Kim Sơn cũng hợp lý về tỷ lệ các hạng A, B, C theo phân tích ABC. Tuy nhiên, bệnh viện cần quản lý và điều chỉnh các nhóm thuốc không thiết yếu nhưng có giá trị sử dụng cao (như thuốc đông y và dược liệu), đồng thời tiếp tục phân loại và đánh giá thuốc theo phương pháp ABC/VEN để tối ưu chi phí và phù hợp với mô hình bệnh tật hàng năm.

### Lời cảm ơn

Nhóm nghiên cứu xin chân thành cảm ơn sự giúp đỡ quý báu của các cá nhân và tập thể đã hỗ trợ chúng tôi trong quá trình thực hiện nghiên cứu này. Đặc biệt, nhóm nghiên cứu xin gửi lời cảm ơn đến ban lãnh đạo Bệnh Viện Đa Khoa huyện Kim Sơn vì đã tạo điều kiện thuận lợi để đề tài được hoàn thành.

### TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Bộ Y tế. Thông tư số 23/2011/TT-BYT ngày 10/6/2011 Hướng dẫn sử dụng thuốc trong các cơ sở y tế có giường bệnh. 2011.
2. Bộ Y tế. Thông tư số 21/2013/TT-BYT ngày 08/8/2013 Quy định về tổ chức và hoạt động của Hội đồng thuốc và điều trị trong bệnh viện. 2013.
3. Bộ Y tế. Thông tư 20/2022/TTBYT ngày 31/12/2022 Ban hành danh mục và tỷ lệ, điều kiện thanh toán đối với thuốc hóa dược, sinh phẩm, thuốc phóng xạ và chất đánh dấu thuốc phạm vi được hưởng của người tham gia bảo hiểm y tế. 2022.
4. Bộ Y tế. Thông tư 05/2015/TT-BYT ngày 17/3/2015 ban hành Danh mục thuốc đông y, thuốc từ dược liệu và vị thuốc y học cổ truyền thuộc phạm vi thanh toán của quỹ bảo hiểm y tế. 2015.

5. Bệnh viện Đa khoa huyện Kim Sơn. <http://benhvienkimson.com/gioi-thieu/ban-giam-doc>, received on 21/9/2022.
6. Nguyễn Thị Hoà. Phân tích danh mục thuốc đã sử dụng tại Bệnh viện Đa khoa huyện Bảo Thắng tỉnh Lào Cai năm 2021. Trường Đại học Dược Hà Nội. 2023.
7. Nguyễn Hùng Hải. Phân tích danh mục thuốc sử dụng tại Bệnh viện Đa khoa huyện Triệu Sơn tỉnh Thanh Hoá năm 2021. Trường Đại học Dược Hà Nội. 2023.
8. Nguyễn Thị Cúc. Phân tích danh mục thuốc sử dụng tại Bệnh viện Đa khoa huyện Đông Hưng-tỉnh Thái Bình năm 2021. Trường Đại học Dược Hà Nội. 2022.
9. Bộ Y Tế. Quyết định số 4824/QĐ-BYT ngày 03/12/2012 của Bộ trưởng Bộ Y tế về việc phê duyệt Đề án Người Việt Nam ưu tiên dùng thuốc Việt Nam; 2012.
10. Bộ Y Tế. Quyết định số 5631/QĐ-BYT ngày 31/12/2020 về việc hướng dẫn thực hiện quản lý sử dụng kháng sinh trong bệnh viện. 2020.
11. Bảo hiểm xã hội Việt Nam. Công văn số 3968/BHXH-DVT ban hành ngày 08/9/2017 về việc thống nhất tỷ lệ sử dụng biệt dược gốc tại các cơ sở khám chữa bệnh theo chỉ đạo của Chính phủ. 2017.